

Bản án số: 67/2026/HSST

Ngày 12/3/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THÁI NGUYÊN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hạng Minh Thu

2. Bà Nguyễn Thị Nhung

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký,
Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 12/3/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 58/2026/HSST ngày 10/02/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2026/QĐXXST-HS ngày 26/02/2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Văn Q.** Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 26/8/1988 tại Thái Nguyên.

Nơi thường trú: **xóm G, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên**; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông **Trần Văn C**, sinh năm 1957; con bà **Trần Thị V**, sinh năm 1960. Vợ, con: Chưa có. Tiền sự: Không.

Tiền án: Tại Bản án số 251/HSST ngày 28/3/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 2, Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999. Tại bản án số 169/2014/HSPT ngày 19/6/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xử phạt 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 2, Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại Bản án số 11/HSST ngày 30/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, tổng hợp hình phạt với Bản án số 251/HSST ngày 28/3/2014 buộc **Q** phải chấp hành chung cho cả hai bản án là 45 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/01/2020;

Tại bản án số 171/HSST ngày 14/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 5 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo

khoản 2, Điều 173 Bộ luật hình sự. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/02/2025.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/8/2025, hiện nay đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh T. Có mặt tại phiên toà.

*** Bị hại:**

1/- Anh Nguyễn Văn A, sinh năm 2005;

Trú tại: Xóm V, xã B, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

2/- Anh Hà Hoàng L, sinh năm 2006;

Trú tại: Xóm Đ, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3/- Chị Vũ Thị U, sinh năm 2003;

Trú tại: Xóm D, xã V, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4/- Anh Nguyễn Huy H, sinh năm 2005;

Trú tại: Tổ dân phố C, phường T, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

5/- Anh Ôn Ngọc V1, sinh năm 2006;

Trú tại: TDP N, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

6/- Anh Nguyễn Duy C1, sinh năm 2002;

Trú tại: Tổ T, phường T, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

7/- Ông Trần Thế N, sinh năm 1982;

Trú tại: Tổ E, phường P, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1/- Anh Trần Ngọc H1, sinh năm 2006;

Trú tại: Xóm N, xã M, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2/- Anh Nguyễn Văn C2, sinh năm 1991;

Trú tại: Tổ dân phố C, phường V, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3/- Anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 2007;

Trú tại: Tổ dân phố C, phường T, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4/- Anh Hoàng Văn H3, sinh năm 1996;

Trú tại: Xóm N, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

5/- Bà Trần Thị V, sinh năm 1960;

Trú tại: Xóm G, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

*** Người làm chứng:**

1/- Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1973;

Trú tại: **Tổ I, phường Q, tỉnh Thái Nguyên**. Vắng mặt.

2/- Anh **Trần Mạnh H4**, sinh năm 1990;

Trú tại: **Tổ I, phường Q, tỉnh Thái Nguyên**. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 29/8/2025, **Trần Văn Q**, sinh năm 1988, trú tại: **Xóm G, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên** điều khiển xe mô tô Honda Dream, màu nâu, gắn biển số 20F4-9260 đến gửi tại **Bệnh viện T1** rồi thuê xe taxi chở đến khu dân cư thuộc **tổ I, phường Q, tỉnh Thái Nguyên** mục đích để trộm cắp tài sản. Khi đến nơi, **Q** đi bộ đến dãy nhà trọ của anh **Trần Thế N** (sinh năm 1982, nơi thường trú: **Tổ E, phường P, tỉnh Thái Nguyên**) thuộc **tổ I, phường Q, tỉnh Thái Nguyên** làm chủ thì thấy cổng không khóa, có nhiều xe mô tô để ở sân nên **Q** đi vào trong sân và tiến lại gần xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Dream, màu nâu, BKS: 29X2-1603 là tài sản của anh **N** để ở khu vực giữa sân bên tay phải từ cổng nhìn vào, **Q** tiến lại gần và dắt xe dịch chuyển lên khoảng 20 đến 30cm so với vị trí ban đầu để trộm cắp xe trên thì nghe thấy có tiếng mở cửa phòng nên **Q** đã để xe lại và ra cổng để chờ tiếp tục quay lại trộm xe. Sau đó, **Q** bị anh **N** cùng người dân xung quanh phát hiện truy hô, đuổi bắt được và giao cho **Công an phường Q** đến để xử lý.

Tại kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐGTS ngày 31/10/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự **phường Q, tỉnh Thái Nguyên** kết luận giá trị của chiếc xe mô tô trên là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng).

Quá trình mở rộng điều tra còn xác định được trước đó trong khoảng thời gian từ ngày 05/6/2025 đến ngày 29/8/2025, **Trần Văn Q** đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cụ thể các ngày như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 23 giờ 00 ngày 05/6/2025, **Q** đi bộ một mình trong khu xóm trọ thuộc **tổ B, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên** (nay là **tổ E, phường P, tỉnh Thái Nguyên**) mục đích để trộm cắp tài sản, khi đi đến dãy nhà trọ do bà **Nguyễn Thị Thu H5**, sinh năm 1978, nơi thường trú: **Tổ E, phường P, tỉnh Thái Nguyên** làm chủ thì thấy cổng nhà trọ không đóng, **Q** đi vào sân khu nhà trọ cách cổng ra vào khoảng 30m thì thấy nhiều xe mô tô để ở hiên trước các cửa phòng trọ. **Q** tiến lại gần xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu, biển kiểm soát 20C1-004.16, số máy: HA08E1413138, số khung: RLHHA0807AY113144 là xe của anh **Nguyễn Văn A**, sinh năm 2005, nơi thường trú: **Xóm V, xã B, tỉnh Thái Nguyên** (thuê trọ ở phòng số 7) để ở hiên trước cửa phòng số 3 của khu nhà trọ bên tay trái từ ngoài sân nhìn vào, đầu xe hướng vào cửa phòng trọ đuôi xe hướng ra sân. **Q** quan sát xung quanh không có ai nên **Q** đi đến và dắt xe lùi ra sân rồi dắt ra ngoài cổng khu nhà trọ thì dùng vạm mang theo từ trước để phá khoá. Khoảng 30 giây sau thì phá được khoá, **Q** nổ máy điều khiển xe đi theo hướng đường Tố Hữu để về nhà, trên đường về đến khu vực qua **Bệnh viện Y** cổ truyền **Q** rẽ vào ngõ cạnh **đường T** dừng xe lại dùng cò lê tháo biển số 20C1-004.16 ra

vứt ở bụi cỏ ven đường đoạn thuộc **tổ dân phố T, phường Q, tỉnh Thái Nguyên** rồi đi về nhà. Sau đó, **Q** dùng máy cắt, chà bằng điện màu xanh, không rõ nhãn hiệu để xóa số khung, số máy của xe rồi cắt số máy WYJ150FMG*00042494*, số khung: JL100*00042494*, tháo biển số 20F4-9260 từ xe mô tô nhãn hiệu Jiulong là xe của bà **Trần Thị V**, sinh năm 1960, nơi thường trú: **Xóm G, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên** (là mẹ đẻ của **Q**) cho **Q** trước đó rồi **Q** sử dụng máy hàn điện màu đỏ không rõ nhãn hiệu hàn số khung, số máy, lắp biển và thay mới đèn chiếu sáng, mặt nạ trước vào xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu, trộm cắp được của anh **A** rồi sử dụng làm phương tiện đi lại hàng ngày và gửi tại **Bệnh viện T1** để thuê xe taxi đến các điểm để trộm cắp tài sản sau này.

Ngày 30/9/2025 **Công an phường Q** đã thu giữ được chiếc xe trên tại **bệnh viện T1**.

Tại kết luận định giá tài sản số 12/KL- HĐĐGTS ngày 30/12/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự **phường Q, tỉnh Thái Nguyên** kết luận giá trị của xe mô tô trên là 8.195.000đ (tám triệu một trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Tại kết luận giám định số 28/KL-KTHS ngày 22/12/2025 của **Phòng K Công an tỉnh T** kết luận: Không xác định được ký tự chữ, số khung và máy nguyên thủy của nhà sản xuất đóng.

Vụ thứ hai: Khoảng 23 giờ 15 phút, ngày 26/8/2025, **Q** điều khiển xe mô tô nhãn hiệu: Honda Dream, màu nâu, gắn biển số 20F4-9260 (xe Quý trộm được của anh Anh ngày 05/6/2025) đến gửi tại nhà xe của **Bệnh viện T1**, rồi thuê xe taxi chở đến khu nhà trọ thuộc **phường Q, tỉnh Thái Nguyên** để trộm cắp tài sản. Khi đi đến dãy nhà trọ do bà **Nguyễn Vinh H6**, sinh năm 1970, nơi thường trú: **Tổ dân phố H, phường L, tỉnh Thái Nguyên** làm chủ, **Q** nhìn thấy cổng nhà trọ không đóng, trong sân có để nhiều xe mô tô. **Q** đi vào trong sân trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave A, màu sơn: Trắng, biển kiểm soát: 20AB-071.13, là tài sản của anh **Hà Hoàng L**, sinh năm 2006, nơi thường trú: **Xóm Đ, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên** để ở gần cổng, **Q** dắt xe mô tô lù ra ngoài đường dân sinh, đi được khoảng 50m thì **Q** dừng lại dùng vạm mang theo từ trước để phá khóa. Sau đó, **Q** gọi điện cho **Nguyễn Văn C2**, sinh năm 1991, nơi thường trú: **Tổ dân phố C, phường V, tỉnh Thái Nguyên** để bán chiếc xe trên với giá 5.000.000đ (năm triệu đồng). **C2** đồng ý và nhờ **Nguyễn Văn H2**, sinh năm 2007, nơi thường trú: **Tổ dân phố C, phường T, tỉnh Thái Nguyên** đi lấy xe hộ (**C2** và **H2** không biết chiếc xe trên là do trộm cắp mà có). **Q** liên hệ cho **H2** rồi hẹn gặp nhau ở khu vực **cầu G gần công ty S1 (P cũ)** để mua, bán xe chiếc trên. Khi gặp **Q** thì **H2** chuyển khoản cho **Q** số tiền 5.000.000đ rồi **H2** lấy xe mô tô trên rồi đi. Số tiền trên **Q** đã tiêu xài cá nhân hết. Hiện đã thu hồi được chiếc xe trên. Ngày 27/8/2025 anh **L** đã làm đơn trình báo sự việc đến **công an phường Q**.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐGTS ngày 03/11/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự **phường Q, tỉnh Thái Nguyên** kết luận giá trị của tài sản trên là 15.500.000đ (Mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng).

Vụ thứ ba: Khoảng 01 giờ 00 ngày 27/8/2025 sau khi vừa bán xe mô tô lấy trộm của anh L cho C2 xong, Q thuê xe taxi chở về khu vực nhà trọ thuộc tổ dân phố S, phường Q, tỉnh Thái Nguyên để tiếp tục trộm cắp tài sản. Q xuống xe đi bộ thì thấy nhà trọ do ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1958, nơi thường trú: Tổ G, phường P, tỉnh Thái Nguyên làm chủ không đóng cổng, trong sân có để nhiều xe mô tô. Q đi vào trong sân dắt xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave A, màu sơn: Xanh, biển kiểm soát: 20AE-110.25 (sau xác định được là xe của anh Trần Ngọc H1, sinh năm 2006, nơi thường trú: Xóm N, xã M, tỉnh Cao Bằng) mượn của chị Vũ Thị U sinh năm 2003, nơi thường trú: xóm D, xã V, tỉnh Thái Nguyên) ra ngoài đường rồi sử dụng vạm phá khóa để khởi động xe. Sau khi mở được khoá, Q gọi điện cho Nguyễn Văn C2 có nhân thân như trên để bán chiếc xe với giá 5.100.000đ, C2 đồng ý và bảo Q liên hệ với Nguyễn Văn H2 có nhân thân như trên để giao xe (C2 và H2 không biết chiếc xe trên là do trộm cắp mà có). Q liên hệ cho H2 rồi hẹn gặp nhau ở khu vực gần nhà H2 để giao xe. Khi gặp H2 thì H2 chuyển khoản cho Q số tiền 5.100.000đ rồi H2 lấy xe mô tô trên rồi đi. Số tiền trên Q đã tiêu xài cá nhân hết. Hiện đã thu hồi được chiếc xe trên. Ngày 27/8/2025 anh H1 đã làm đơn trình báo sự việc đến công an phường Q.

Tại kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐGTS ngày 03/11/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự phường Q, tỉnh Thái Nguyên kết luận giá trị của chiếc xe mô tô trên là 17.500.000đ (Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Vụ thứ tư: Khoảng 02 giờ 00 ngày 27/8/2025 sau khi bán xe mô tô lấy trộm của anh H1 cho H2 xong, Q thuê xe taxi quay về nhà trọ vừa trộm cắp tài sản của ông S ở tổ dân phố S, phường Q, tỉnh Thái Nguyên để tiếp tục trộm cắp tài sản là 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu trắng, biển kiểm soát 20AH-083.36 là xe của anh Nguyễn Huy H, sinh năm 2005, nơi thường trú: Tổ dân phố C, phường T, tỉnh Thái Nguyên để ở sân. Q dắt xe mô tô nêu trên lùi ra ngoài đường rồi sử dụng vạm để phá khóa. Khoảng 30 giây sau thì phá được khoá rồi Q điều khiển xe trên đến quán bi-a của Hoàng Văn H3, sinh năm 1996 thuộc xóm N, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên để lại làm tin và vay anh H3 số tiền là 4.500.000đ (H3 không biết chiếc xe trên là do trộm cắp mà có). Anh H3 đưa cho Q 4.500.000đ bằng tiền mặt. Sau đó, Q thuê xe taxi chở về Bệnh viện T1 lấy xe mô tô đã gửi trước đó để đi về. Số tiền trên Q đã tiêu xài cá nhân hết. Hiện đã thu hồi được chiếc xe trên. Ngày 27/8/2025 anh H đã làm đơn trình báo sự việc đến công an phường Q.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐGTS ngày 03/11/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự phường Q, tỉnh Thái Nguyên kết luận giá trị của tài sản trên là 17.500.000đ (Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Vụ thứ năm: Khoảng 23 giờ 40 phút, ngày 28/8/2025, Q điều khiển xe mô tô nhãn hiệu: Honda, số loại: Dream, màu nâu, gắn biển số 20F4-9260 (xe Quý trộm được của anh Anh ngày 05/6/2025) đến gửi tại nhà xe của Bệnh viện T1 rồi thuê xe taxi chở đến khu N, phường Q, tỉnh Thái Nguyên để trộm cắp tài sản. Khi đến nơi, Q xuống xe đi bộ đến một dãy nhà trọ do bà Vũ Thị H7, sinh năm 1964, nơi thường trú: Tổ I, phường Q, tỉnh Thái Nguyên làm chủ thì thấy cổng không

khóa, bên trong sân có nhiều xe mô tô. Q đi vào bên trong sân và đến gần xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave màu đen, biển kiểm soát: 20AB-071.69 là tài sản của anh Ôn Ngọc V1, sinh năm 2006, nơi thường trú: Xóm N, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên rồi dắt xe mô tô trên lùi ra ngoài đường, đi được khoảng 50 mét thì Q dừng lại sử dụng vạm phá khóa mang theo từ trước để phá khóa xe. Sau đó, Q điều khiển xe đến khu vực gần quán B-a của Hoàng Văn H3 có nhân thân như trên, để lại xe cho H3 làm tin để vay số tiền 4.500.000đ (H3 không biết chiếc xe trên là do trộm cắp mà có). Anh H3 đưa cho Q 4.500.000đ bằng tiền mặt. Số tiền trên Q đã tiêu xài cá nhân hết. Hiện đã thu hồi được chiếc xe trên. Ngày 29/8/2025 anh V1 đã làm đơn trình báo sự việc đến công an phường Q.

Tại kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐGTS ngày 31/10/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự phường Q, tỉnh Thái Nguyên kết luận giá trị của tài sản trên là 15.500.000đ (Mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng).

Vụ thứ sáu: Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 29/8/2025, sau khi để xe lại để làm tin cho H3 để vay tiền thì Q thuê xe taxi chở về khu vực dân cư thuộc tổ I, phường Q, tỉnh Thái Nguyên để tiếp tục trộm cắp tài sản. Khi đi đến nhà anh Nguyễn Duy C1 (sinh năm 2002, nơi thường trú: Tổ T, phường T, tỉnh Thái Nguyên) thuộc tổ I, phường Q, tỉnh Thái Nguyên thì thấy 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu đen bạc, biển kiểm soát: 20B2-207.83 (là tài sản của anh C1) dựng ở sân nhà, cửa cổng bằng inox có khóa, Q dùng tay phải cầm 01 chiếc mỏ lết mang theo từ trước để bẻ tai khóa cổng, khoảng 05 giây sau thì bẻ được tai khóa. Sau đó, Q đi vào trong sân và tiến lại gần vị trí để chiếc xe mô tô trên dùng tay trái cầm vào tay lái bên trái, tay phải cầm vào giá sau yên của xe mô tô dắt xe mô tô trên lùi ra ngoài đường dân sinh, đi được khoảng 30m thì Q dừng lại sử dụng vạm để phá khóa. Khoảng 30 giây sau thì phá được khóa rồi Q điều khiển xe trên đến gặp Hoàng Văn H3 có nhân thân như trên, để lại làm tin và vay H3 số tiền là 2.500.000đ (H3 không biết chiếc xe trên là do trộm cắp mà có). Anh H3 đưa cho Q 2.500.000đ bằng tiền mặt. Sau đó Q thuê xe taxi chở về Bệnh viện T1 lấy xe đi về nhà. Số tiền trên Q đã tiêu xài cá nhân hết. Hiện đã thu hồi được chiếc xe trên. Ngày 29/8/2025 anh C1 đã làm đơn trình báo sự việc đến công an phường Q.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐGTS ngày 31/10/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự phường Q, tỉnh Thái Nguyên kết luận giá trị của xe mô tô trên là 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng).

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, bị cáo là người không có nghề nghiệp, sống cùng bố và mẹ, việc ăn uống, sinh hoạt của bị can và gia đình hàng ngày là do mẹ của bị cáo chi tiêu cho gia đình, số tiền do trộm cắp được mà có bị cáo chỉ dùng để tiêu xài cá nhân. Lời khai của bị cáo là có căn cứ phù hợp với biên bản sự việc, vật chứng thu giữ, lời khai của người chứng kiến, người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, kết luận giám định, kết luận định giá tài sản, các đoạn video thu giữ và những chứng cứ tài liệu khác đã thu thập được.

Đối với chiếc máy hàn điện màu đỏ, không rõ nhãn hiệu Q khai đã bán cho một người không quen biết; đối với chiếc máy cắt, chà bằng điện màu xanh, không rõ nhãn hiệu, bà V là mẹ của Q đã bán cho người mua sắt vụn không quen biết;

đối với chiếc điện thoại di động mà Q đã dùng gọi điện cho C2 để bán tài sản do Q trộm cắp, do cần tiền tiêu xài nên Q đã bán cho một người đàn ông không quen biết. Hiện các vật chứng trên không thu hồi được.

Cáo trạng số 57/CT-VKS-KV1 ngày 10/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Thái Nguyên truy tố Trần Văn Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Thái Nguyên trình bày quan điểm luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn Q phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Đề nghị áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Trần Văn Q từ 04 đến 05 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu, Tiêu hủy: 01 (một) mỏ lết bằng kim loại trên thân có dòng chữ FORGED STEEL, dài 19,5cm; 01 (một) cờ lê hai đầu bằng kim loại đầu nhỏ có số 10, đầu to có số 14, dài 13cm; 01 (một) cần siết lực tự động 2 chiều bằng kim loại, dài 14,5cm; 01 (một) tua vít bằng kim loại có tay cầm bằng nhựa màu đen dài 13,5cm; 02 (hai) mũi vít bằng kim loại đều có đầu bẹt, có cùng chiều dài 7,5cm; 02 (hai) đầu tuýp vặn khẩu chân 4 cạnh bằng kim loại cùng có chiều dài 4,5cm; 01 (một) túi vải màu đen, loại túi đeo hông, có khớp nối bằng nhựa ở hai đầu có chiều dài 45cm, rộng 4cm; 01 mũ lưỡi chai bằng vải, giữa mũ có ký hiệu chữ NIKE là vật chứng thu giữ của Trần Văn Q.

Hoàn trả: 01 biển số xe mô tô 20C1-004.16 cho anh Nguyễn Văn A; 01 biển số xe mô tô 20F4-9260 cho chủ sở hữu là bà Trần Thị V.

Đối với xe 01 xe mô tô vật chứng của vụ án là tài sản của anh Nguyễn Văn A có đề nghị không nhận lại nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Truy thu số tiền 21.600.000 đồng là tiền do bị cáo phạm tội mà có.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn A và bị cáo đã thoả thuận bồi thường dân sự theo đó bị cáo bồi thường cho anh A số tiền 15.000.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các quy định của Bộ luật dân sự nghi nhận sự tự nguyện thoả thuận nêu trên. Đối với các bị hại còn lại đã nhận lại tài sản, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường và không yêu cầu đề nghị gì thêm nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận, bị cáo thừa nhận việc truy tố, xét xử là đúng tội, không oan. Nói lời sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử cho hưởng mức án thấp nhất. Bị hại anh Nguyễn Văn A và người liên quan bà Trần Thị V không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, bị cáo xác định cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Thái Nguyên truy tố là đúng người, đúng tội, không oan. Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là tự nguyện, khách quan, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Lời khai của bị hại; lời khai người làm chứng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về thời gian, địa điểm, vị trí và đặc điểm của tài sản bị trộm cắp; biên bản sự việc; biên bản kiểm tra, xác định nơi xảy ra vụ việc; kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 05/6/2025 đến ngày 29/8/2025, Trần Văn Q đã thực hiện 07 vụ trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản là 95.195.000 đồng, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 05/6/2025 tại tổ E, phường P, tỉnh Thái Nguyên, Q trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu, biển kiểm soát 20C1-004.16 là tài sản của anh Nguyễn Văn A, trị giá 8.195.000đ. Hiện tài sản đã thu hồi được.

Vụ thứ hai: Khoảng 23 giờ 15 phút, ngày 26/8/2025 tại tổ dân phố S, phường Q, tỉnh Thái Nguyên, Q trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave A, màu trắng, biển kiểm soát: 20AB-071.13 là tài sản của anh Hà Hoàng L, trị giá 15.500.000đ. Hiện tài sản đã được thu hồi trả lại cho anh L quản lý, sử dụng.

Vụ thứ ba: Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 27/8/2025 tại tổ dân phố S, phường Q, tỉnh Thái Nguyên, Q trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave A, màu xanh, biển kiểm soát: 20AE-110.25 là tài sản của anh Trần Ngọc H1 mượn của chị Vũ Thị U, trị giá 17.500.000đ. Hiện tài sản đã được thu hồi trả lại cho anh H1 quản lý, sử dụng.

Vụ thứ tư: Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 27/8/2025 tại tổ dân phố S, phường Q, tỉnh Thái Nguyên, Q trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng, biển kiểm soát 20AH-083.36 là tài sản của anh Nguyễn Huy H, trị giá 17.500.000đ. Hiện tài sản đã được thu hồi trả lại cho anh H quản lý, sử dụng.

Vụ thứ năm: Khoảng 23 giờ 40 phút, ngày 28/8/2025 tại tổ I, phường Q, tỉnh Thái Nguyên, Q trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen, BKS: 20AB-071.69 là tài sản của anh Ôn Ngọc V1, trị giá 15.500.000đ. Hiện tài sản đã được thu hồi trả lại cho anh V1 quản lý, sử dụng.

Vụ thứ sáu: Khoảng 01 giờ 00 phút, ngày 29/8/2025 tại tổ I, phường Q, tỉnh Thái Nguyên, Q trộm cắp 01 xe mô tô Honda Wave, màu đen, BKS: 20B2-207.83 là tài sản của anh Nguyễn Duy C1, trị giá 14.000.000đ. Hiện tài sản đã được thu hồi trả lại cho anh C1 quản lý, sử dụng.

Vụ thứ bảy: Khoảng 21 giờ ngày 29/8/2025 tại tổ I, phường Q, tỉnh Thái Nguyên, Q trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, BKS: 29X2-1603 là tài sản của anh Trần Thế N, trị giá 7.000.000đ. Hiện tài sản đã được thu hồi trả lại cho anh N quản lý, sử dụng.

Cáo trạng của viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Thái Nguyên truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Nội dung Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a)

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

d)

g) Tái phạm nguy hiểm.

3]. Đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự trị an tại địa phương nên phải được xét xử nghiêm minh bằng pháp luật hình sự.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo có bố đẻ là ông Trần Văn C được Hội đồng cố vấn Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền N Việt Nam tặng Huân chương Chiến sỹ giải phóng hạng Nhì, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên, nên phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Xét thấy, bị cáo tiền án, có nhân thân xấu, nhiều lần bị xét xử và bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản”, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội nhiều lần. Điều đó thể hiện ý thức coi thường pháp luật, nên cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc để răn đe và phòng ngừa tội phạm.

Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 còn quy định: "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng". Xét thấy bị cáo là

lao động tự do, không có thu nhập ổn định, nên Hội đồng xét xử không áp dụng khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đối với số tiền 21.600.000 đồng do bị cáo phạm tội mà có nên cần truy thu số tiền nêu trên để sung, nộp ngân sách Nhà nước theo quy định.

Hội đồng xét xử thấy mức hình phạt và các vấn đề khác trong vụ án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là phù hợp, được chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo và bị hại Nguyễn Văn A thoả thuận được với nhau về số tiền mà bị cáo phải bồi thường cho bị hại là 15.000.000 đồng. Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 584, 585, 586, 590 của Bộ luật dân sự, ghi nhận sự thoả thuận nêu trên theo quy định.

Đối với các bị hại còn lại đã nhận lại tài sản, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường và không yêu cầu đề nghị gì thêm, nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu, Tiêu hủy: 01 (một) mảnh sắt bằng kim loại trên thân có dòng chữ FORGED STEEL, dài 19,5cm; 01 (một) cờ lê hai đầu bằng kim loại đầu nhỏ có số 10, đầu to có số 14, dài 13cm; 01 (một) cần siết lực tự động 2 chiều bằng kim loại, dài 14,5cm; 01 (một) tua vít bằng kim loại có tay cầm bằng nhựa màu đen dài 13,5cm; 02 (hai) mũi vít bằng kim loại đều có đầu bẹt, có cùng chiều dài 7,5cm; 02 (hai) đầu tuýp vặn khẩu chân 4 cạnh bằng kim loại cùng có chiều dài 4,5cm; 01 (một) túi vải màu đen, loại túi đeo hông, có khóp nối bằng nhựa ở hai đầu có chiều dài 45cm, rộng 4cm; 01 mũ lưỡi chai bằng vải, giữa mũ có ký hiệu chữ NIKE.

Hoàn trả: 01 biển số xe mô tô 20C1-004.16 cho anh Nguyễn Văn A; 01 biển số xe mô tô 20F4-9260 cho chủ sở hữu là bà Trần Thị V.

Đối với xe 01 xe mô tô vật chứng của vụ án là tài sản của anh Nguyễn Văn A, tại phiên tòa ngày hôm nay anh A có đề nghị không nhận lại chiếc xe mô tô nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[7] Án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật Phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/NQ - UBTWQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Trần Văn Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nộp vào ngân sách nhà nước.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

[9] Các vấn đề khác của vụ án: Đối với anh Nguyễn Văn C2, Nguyễn Văn H2, Hoàng Văn H3 là người mua, nhận thế chấp tài sản của Q đều không biết đó là tài sản do Q trộm cắp mà có; bà Trần Thị V không biết việc Q sử dụng xe mô tô của bà V cho để làm phương tiện đi trộm cắp tài sản và bà V cũng không biết việc Q cắt số khung, số máy và lấy biển số xe của bà V để hàn, lắp vào xe mô tô Q trộm cắp được nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ để xử lý đối với những người trên.

Bởi các lễ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 326 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Về tội danh: Tuyên bố: Bị cáo **Trần Văn Q** phạm tội: "Trộm cắp tài sản"

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt **Trần Văn Q** 05 (Năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 31/8/2025.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, quyết định tạm giam **Trần Văn Q** 45 ngày (Bốn mươi lăm ngày), kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự truy thu đối với **Trần Văn Q** số tiền 21.600.000 (Hai mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng) do phạm tội mà có để sung, nộp vào ngân sách Nhà nước.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 586, 590 của Bộ luật dân sự. Công nhận sự thỏa thuận giữa anh **Nguyễn Văn A** và **Trần Văn Q**, bị cáo **Trần Văn Q** có trách nhiệm bồi thường cho anh **Nguyễn Văn A** số tiền là 15.000.000 đ (Mười lăm triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Dream, màu sơn nâu, gắn biển số 20F4-9260, gắn 01 gương bên trái, loại xe hai bánh từ 50-175cm³, dung tích xi lanh 97cm³, không xác định được ký tự chữ số khung và máy nguyên thủy của nhà sản xuất đóng.

Hoàn trả 01 biển số xe mô tô 20C1-004.16 cho anh **Nguyễn Văn A**; hoàn trả 01 biển số xe mô tô 20F4-9260 cho bà **Trần Thị V**.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) mảnh kim loại trên thân có dòng chữ FORGED STEEL, dài 19,5cm; 01 (một) cờ lê hai đầu bằng kim loại đầu nhỏ có số 10, đầu to có số 14, dài 13cm; 01 (một) cần siết lực tự động 2 chiều bằng kim loại, dài 14,5cm; 01 (một) tua vít bằng kim loại có tay cầm bằng nhựa màu đen dài 13,5cm; 02 (hai) mũi vít bằng kim loại đều có đầu bẹt, đều dài 7,5cm; 02 (hai) đầu tuýp vặn khẩu chân 4 cạnh bằng kim loại cùng có chiều dài 4,5cm; 01 (một) túi vải màu đen, loại túi đeo hông, có khớp nối bằng nhựa ở hai đầu có chiều dài

45cm, rộng 4cm; 01 mũ lưỡi chai bằng vải màu đen, giữa mũ có ký hiệu chữ NIKE.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận số 120 ngày 05 tháng 3 năm 2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh T với Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1, tỉnh Thái Nguyên).

5. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật Phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/NQ - UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Trần Văn Q phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nộp vào ngân sách nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND KV1 - TN;
- Phòng THADS KV1 - TN;
- Bị cáo; người tham gia TT khác;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Kim Ngọc